



THÔNG TIN CẦN LƯU Ý

I. CÁCH TÍNH ĐIỂM

1. Bài thi được chấm theo thang điểm 100.
2. Điểm các môn thi được tính như sau:
 - a) Môn kiến thức chung: tính hệ số 1;
 - b) Môn nghiệp vụ chuyên ngành: bài thi viết tính hệ số 2; bài thi trắc nghiệm tính hệ số 1;
 - c) Môn ngoại ngữ, môn tin học văn phòng: tính hệ số 1 và không tính vào tổng số điểm thi.
3. Kết quả thi tuyển là tổng số điểm của các bài thi môn kiến thức chung và môn nghiệp vụ chuyên ngành tính theo quy định tại khoản 2 Mục này cộng với điểm ưu tiên (nếu có).

II. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Người trúng tuyển phải có đủ các điều kiện sau đây: i) có đủ các bài thi của các môn thi; ii) có điểm của mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên; iii) có kết quả thi tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.
2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi tuyển bằng nhau ở vị trí cần tuyển dụng, người có điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau thì người có điểm bài thi trắc nghiệm môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được người trúng tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.
3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Phòng Tổng hợp, Vụ Tổ chức cán bộ - Phòng 410 nhà K - 16 Tông Đản - Hà Nội. Điện thoại: 024.38250614

th

MỤC LỤC

TT	Vị trí	Trang (*)
1	Chuyên viên tham mưu chính sách	3
2	Chuyên viên Nghiệp vụ	8
3	Chuyên viên kế toán, kiểm toán	33
4	Chuyên viên Pháp chế ngân hàng	41
6	Chuyên viên kinh tế quốc tế	47
7	Chuyên viên truyền thông	50
5	Chuyên viên thiết kế mẫu tiền	51
8	Kỹ sư xây dựng	52
9	Chuyên viên kỹ thuật điện	54
10	Chuyên viên Y tế	55
11	Kỹ sư công nghệ thông tin	56

(*) Ghi chú: Số trang trong Mục lục là số trang hiển thị tại file PDF thí sinh đang truy cập

Vị trí

Chuyên viên tham mưu chính sách

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm NN	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$=(11)*2+(10)+(12)+(15)$	
1	1054	Lê Anh Tuấn	21/10/1995		CV Tham mưu chính sách	Ngoại thương	Xuất sắc		67	86	92	88	86	0	331	Dự kiến trúng tuyển
2	1063	Cao Thị Thương		8/05/1990	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x	70,5	79,5	64	80	Miễn	20	313,5	Dự kiến trúng tuyển
3	1024	Nguyễn Duy Hùng	29/08/1990		CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Xuất sắc	x	81	75	80	72	71,5	0	311	Dự kiến trúng tuyển
4	1025	Phạm Văn Hùng	16/02/1993		CV Tham mưu chính sách	Học viện Ngân hàng	Giỏi		76	63,5	84	88	76,5	0	287	Dự kiến trúng tuyển
5	1037	Đặng Sao Mai		20/08/1993	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		76	74,5	56	76	62	0	281	Dự kiến trúng tuyển
6	1055	Vũ Thanh Tùng	4/05/1995		CV Tham mưu chính sách	Học viện Tài chính	Giỏi		66,5	62,5	88	68	50	0	279,5	Dự kiến trúng tuyển
7	1005	Trương Thảo Anh		24/7/1995	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		66	72	68	60	83	0	278	Dự kiến trúng tuyển
8	1033	Nguyễn Thị Thùy Linh		14/02/1992	CV Tham mưu chính sách	HV Ngân hàng - ĐH Sunderland	Giỏi		79	64,5	68	80	Miễn	0	276	Dự kiến trúng tuyển
9	1038	Nguyễn Tiến Nam	14/9/1991		CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		62	65,5	80	72	51	0	273	Dự kiến trúng tuyển
10	1030	Trần Khánh Linh		25/07/1992	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x	67	61,5	80	68	47	20	290	
11	1066	Kiều Huyền Trang		4/09/1991	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		79	59,5	72	72	55,5	0	270	
12	1053	Giang Thanh Tú		15/9/1993	CV Tham mưu chính sách	Học viện Ngân hàng	Xuất sắc		58	73	64	80	50	0	268	
13	1029	Nguyễn Văn Lâm	23/02/1991		CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		76	53,5	64	92	65	0	247	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm NN	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
14	1051	Đặng Thị Thanh Toàn		2/09/1991	CV Tham mưu chính sách	Học viện Ngân hàng	Giỏi		54,5	69,5	40	76	66,5	0	233,5	
15	1065	Trần Thị Mai Trang		1/12/1994	CV Tham mưu chính sách	Ngoại thương	Giỏi		56	52	68	80	82,5	0	228	
16	1069	Nguyễn Tuấn Vũ	22/8/1994		CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		45	65,5	52	72	68	0	228	
17	1006	Lê Thị Quỳnh Anh		27/3/1995	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		77	40	68	72	73	0	225	
18	1044	Hoàng Minh Phương		28/7/1993	CV Tham mưu chính sách	Học viện ngân hàng	Xuất sắc		37	54	80	72	52,5	0	225	
19	1020	Nguyễn Thị Việt Hằng		30/3/1987	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x	83	36,5	68	84	Miễn	0	224	
20	1010	Lê Thị Thu Dung		15/07/1989	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x	50	39,5	68	64	61,5	20	217	
21	1043	Nguyễn Thị Phương		15/03/1990	CV Tham mưu chính sách	Học viện Ngân hàng	Xuất sắc		59,5	47,5	60	80	58	0	214,5	
22	1039	Phùng Thị Thanh Nga		20/01/1991	CV Tham mưu chính sách	Học viện Ngân hàng	Giỏi		71	39,5	64	80	77,5	0	214	
23	1064	Đặng Thị Trang		20/3/1993	CV Tham mưu chính sách	ĐHTH hữu nghị các dân tộc Nga	Xuất sắc		51	51,5	52	56	Miễn	0	206	
24	1022	Bùi Thị Hoa		11/09/1982	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x	68	29	56	76	50,5	20	202	
25	1027	Kiều Thanh Huyền		17/10/1993	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		32	61	44	84	61	0	198	
26	1017	Nguyễn Thị Thu Hà		3/07/1995	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Xuất sắc		64	29,5	72	76	80,5	0	195	
27	1028	Trần Thị Lan Hương		29/7/1995	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		71	29,5	64	72	76,5	0	194	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm NN	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$=(11)*2+(10)+$ $(12)+(15)$	
28	1034	Đỗ Mạnh Long	26/7/1995		CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		67	24,5	72	80	79,5	0	188	
29	1048	Đỗ Ngọc Sơn	10/02/1993		CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		38	34	80	72	68,5	0	186	
30	1007	Nguyễn Tuấn Anh	7/09/1991		CV Tham mưu chính sách	Kinh doanh và Công nghệ	Giỏi		77	26	56	76	37	0	185	
31	1012	Định Mạnh Dũng	26/12/1990		CV Tham mưu chính sách	Học viện Tài chính	Giỏi	x	63	31	60	84	68	0	185	
32	1040	Vũ Thị Nguyệt		21/12/1991	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		51,5	32,5	68	76	47	0	184,5	
33	1018	Tô Thị Thu Hà		1/07/1989	CV Tham mưu chính sách	Ngoại thương	Giỏi		53	24,5	76	88	63	0	178	
34	1009	Trần Thị Huyền Diệu		8/07/1994	CV Tham mưu chính sách	Ngoại thương	Giỏi		51	35	52	64	84,5	0	173	
35	1011	Vũ Mỹ Dung		6/03/1994	CV Tham mưu chính sách	Học viện tài chính	Giỏi		54	22,5	52	72	61,5	20	171	
36	1035	Phạm Thị Hương Ly		16/10/1995	CV Tham mưu chính sách	HV Chính sách và Phát triển	Giỏi		54	30	56	72	51	0	170	
37	1067	Nguyễn Việt Bảo Trung	11/10/1993		CV Tham mưu chính sách	Đại học FPT	Xuất sắc		57	24,5	64	92	92	0	170	
38	1046	Nguyễn Văn Quý	17/12/1993		CV Tham mưu chính sách	ĐH Kinh tế - ĐH Quốc Gia	Giỏi		43	28	64	72	55	0	163	
39	1049	Phạm Văn Tài	3/11/1994		CV Tham mưu chính sách	Học viện tài chính	Giỏi		60	25	52	68	62,5	0	162	
40	1015	Đỗ Hoàng Đạt	15/10/1991		CV Tham mưu chính sách	Ngoại thương	Giỏi		52	22,5	64	84	Miễn	0	161	
41	1002	Nguyễn Phương Anh		11/04/1993	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		20	41	56	60	79,5	0	158	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm NN	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$=(11)*2+(10)+$ $(12)+(15)$	
42	1047	Tô Thị Ngọc Quỳnh		16/01/1995	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		42	24	64	72	63	0	154	
43	1050	Nguyễn Thị Minh Toan		6/10/1995	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		24,5	28,5	52	68	76	0	133,5	
44	1057	Ngô Thị Hương Thảo		10/10/1995	CV Tham mưu chính sách	Học viện Tài chính	Xuất sắc		50	13,5	56	60	67,5	0	133	
45	1061	Đặng Thị Diệu Thúy		11/11/1993	CV Tham mưu chính sách	Học viện Tài chính	Giỏi		27	6	60	80	44,5	20	119	
46	1003	Lê Văn Anh	12/08/1995		CV Tham mưu chính sách	Học viện Ngân hàng	Giỏi		26	16,5	52	84	93	0	111	
47	1016	Nguyễn Thu Hà		27/5/1993	CV Tham mưu chính sách	Học viện Tài chính	Giỏi		33	12	52	72	52	0	109	
48	1041	Võ Hồng Phong	6/11/1994		CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		32,5	11	52	80	Miễn	0	106,5	
49	1058	Đinh Thị Thu Thảo		31/12/1992	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		50	0	0	0	0	0	50	
50	1032	Trần Ngọc Linh		16/11/1991	CV Tham mưu chính sách	Ngoại thương	Xuất sắc		34	0	0	0	0	0	34	
51	1052	Vũ Thị Minh Tú		10/11/1995	CV Tham mưu chính sách	ĐH Kinh tế quốc dân	Xuất sắc		31	0	0	0	0	0	31	
52	1059	Cao Việt Thắng	5/09/1990		CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi		22	0	0	0	0	0	22	
53	1001	Ngô Thị Hoài An		12/05/1993	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi									Không dự thi
54	1004	Vũ Mai Quỳnh Anh		20/02/1994	CV Tham mưu chính sách	Đh Tổng hợp Irkutsk - Nga	Xuất sắc									Không dự thi
55	1008	Nguyễn Chí Anh	19/9/1995		CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Xuất sắc									Không dự thi

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm NN	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) * 2 + (10) + (12) + (15)$	
56	1013	Nguyễn Thị Duyên		10/07/1993	CV Tham mưu chính sách	Học viện Tài chính	Giỏi									Không dự thi
57	1014	Nguyễn Thị Duyên		15/4/1987	CV Tham mưu chính sách	Ngoại thương	Giỏi	x								Không dự thi
58	1019	Nguyễn Minh Hằng		19/12/1992	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi									Không dự thi
59	1021	Trần Quang Hiếu	11/01/1994		CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi									Không dự thi
60	1023	Nguyễn Minh Huệ		1/02/1990	CV Tham mưu chính sách	Học viện ngân hàng	Giỏi									Không dự thi
61	1026	Trần Thị Huyền		20/12/1993	CV Tham mưu chính sách	Học viện tài chính	Giỏi									Không dự thi
62	1031	Hồ Diệu Linh		22/11/1991	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi									Không dự thi
63	1036	Đới Thị Khánh Ly		06/5/1985	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x								Không dự thi
64	1042	Nguyễn Văn Phú	21/02/1992		CV Tham mưu chính sách	Học viện Ngân hàng	Giỏi									Không dự thi
65	1045	Đỗ Thị Mỹ Phượng		24/5/1995	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi									Không dự thi
66	1056	Trần Văn Thành	20/10/1990		CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x								Không dự thi
67	1060	Đặng Thu Thủy		10/03/1990	CV Tham mưu chính sách	Học viện Ngân hàng	Giỏi	x								Không dự thi
68	1062	Trần Cẩm Thúy		29/7/1991	CV Tham mưu chính sách	Kinh tế quốc dân	Xuất sắc	x								Không dự thi
69	1068	Lê Thị Hồng Vân		15/09/1992	CV Tham mưu chính sách	Học viện Tài chính	Giỏi									Không dự thi

th

Vị trí:

Chuyên viên nghiệp vụ

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
1	1152	Cao Hoàng Hạnh		10/05/1992	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Xuất sắc		80,5	81	84	84	83	0	326,5	Dự kiến trúng tuyển
2	1147	Nguyễn Thị Hải		20/10/1988	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi		65	77,5	80	84	61	20	320	Dự kiến trúng tuyển
3	1261	Nguyễn Thanh Loan		02/03/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Xuất sắc		62	80	92	84	86,5	0	314	Dự kiến trúng tuyển
4	1269	Nguyễn Hạnh Mai		15/10/1989	CV Nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Giỏi	x	77	73	84	64	74,5	0	307	Dự kiến trúng tuyển
5	1442	Lê Thị Hồng Vân		16/5/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Xuất sắc		52,5	78	76	68	60,5	20	304,5	Dự kiến trúng tuyển
6	1407	Nguyễn Thị Thanh Trà		02/12/1992	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi		69	72	88	76	50	0	301	Dự kiến trúng tuyển
7	1081	Nguyễn Thị Lan Anh		15/07/1990	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá	x	60,5	70	80	64	56,5	20	300,5	Dự kiến trúng tuyển
8	1354	Bùi Anh Tú	07/05/1996		CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Xuất sắc		66	71	92	76	87,5	0	300	Dự kiến trúng tuyển
9	1266	Bùi Quốc Lộc	13/3/1993		CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Xuất sắc		61	74	88	80	77,5	0	297	Dự kiến trúng tuyển
10	1174	Đào Thị Hòa		28/08/1987	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi		55	77	84	76	62,5	0	293	Dự kiến trúng tuyển
11	1197	Mai Đức Huy	14/4/1993		CV Nghiệp vụ	Jame Cook	Khá	x	72,5	74	72	72	Miễn	0	292,5	Dự kiến trúng tuyển
12	1100	Tăng Thùy Anh		15/05/1990	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá	x	70	65	92	68	Miễn	0	292	Dự kiến trúng tuyển
13	1129	Phạm Trung Đức	21/10/1989		CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá	x	68	80	64	64	Miễn	0	292	Dự kiến trúng tuyển
14	1363	Lê Tiến Thanh	26/07/1993		CV Nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Giỏi		52	78	84	84	Miễn	0	292	Dự kiến trúng tuyển
15	1104	Nguyễn Phúc Bảo	10/07/1995		CV Nghiệp vụ	ĐH Aston	Khá		60	73	84	68	Miễn	0	290	Dự kiến trúng tuyển

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
16	1361	Trần Minh Tùng	10/10/1993		CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Khá		61	70	88	72	64,5	0	289	Dự kiến trúng tuyển
17	1095	Đỗ Tuấn Anh	06/07/1993		CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		59,25	68,5	92	Miễn	66	0	288,25	Dự kiến trúng tuyển
18	1301	Nguyễn Bảo Ngọc		04/11/1990	CV Nghiệp vụ	ĐH Kinh tế - ĐH Quốc Gia	Khá		60	74	80	68	82,75	0	288	Dự kiến trúng tuyển
19	1428	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		13/5/1989	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi	x	66	68,5	84	80	64	0	287	
20	1340	Nguyễn Thị Quỳnh		21/01/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		60	67	92	84	69,75	0	286	
21	1113	Nguyễn Phương Chi		22/8/1994	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương HN	Giỏi		75	65	80	88	65,5	0	285	
22	1198	Nguyễn Thị Huyền		15/11/1991	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		65	66	88	80	84,5	0	285	
23	1072	Tô Thị Ngọc An		20/8/1991	CV Nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Giỏi		62,5	69	84	76	66,5	0	284,5	
24	1141	Nguyễn Chí Trần Hà	07/10/1990		CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		80,5	64	76	88	69	0	284,5	
25	1235	Hà Thị Phương Linh		29/11/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		58,5	69	68	64	66	20	284,5	
26	1229	Lý Văn Lanh	05/10/1984		CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		59	66,5	72	72	83,5	20	284	
27	1436	Phạm An Kiên Trung	19/10/1994		CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Xuất sắc		65,75	75	68	84	76	0	283,75	
28	1282	Vũ Thị Nụ		28/4/1988	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Khá		57	75	76	76	62	0	283	
29	1410	Cao Thị Huyền Trang		15/09/1992	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Xuất sắc		71	68	76	76	55	0	283	
30	1223	Phạm Mạnh Khoa	01/08/1990		CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		81	64	72	80	50	0	281	
31	1422	Hà Ngọc Trang		12/05/1992	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi		67	73	68	88	68,5	0	281	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
32	1226	Đặng Thị Thúy Lan		12/10/1989	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi		56,5	74	76	76	75	0	280,5	
33	1136	Lê Minh Hà		19/12/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		67	66	80	84	78	0	279	
34	1257	Nguyễn Thùy Linh		21/4/1993	CV Nghiệp vụ	ĐH HN	Khá		62	62	92	84	Miễn	0	278	
35	1341	Vũ Hương Quỳnh		29/11/1988	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x	59	73	72	72	58	0	277	
36	1230	Nguyễn Tùng Lâm	29/10/1993		CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá		60	66	84	76	65	0	276	
37	1273	Nguyễn Thị Ngọc Mai		20/5/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Xuất sắc		67	70	68	72	69	0	275	
38	1405	Phạm Hoài Thương		27/12/1995	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Xuất sắc		52,25	75	72	92	87	0	274,25	
39	1137	Võ Thị Hà		25/8/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		76	53	92	68	42,5	0	274	
40	1167	Đỗ Thị Hiền		19/4/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Xuất sắc		66	64	80	80	67,5	0	274	
41	1453	Phùng Bạch Yến		29/5/1994	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá		50	64	76	76	66,5	20	274	
42	1419	Phan Hà Trang		20/11/1994	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi		61	63	84	76	Miễn	0	271	
43	1398	Hoàng Phương Thúy		08/10/1990	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi	x	52,75	66,5	84	68	57,5	0	269,75	
44	1291	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/10/1989		CV Nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Giỏi		67,5	63	76	76	Miễn	0	269,5	
45	1384	Phạm Đức Thịnh	03/05/1995		CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		51,25	71	76	76	36	0	269,25	
46	1268	Nguyễn Thị Lý		20/2/1990	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi		72	59	76	84	84	0	266	
47	1390	Bùi Thị Minh Thu		01/07/1992	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		31,25	73	88	92	73	0	265,25	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	=((11)*2+((10)+ +(12)+((15)	
48	1166	Phùng Thị Thu Hiền		20/2/1993	CV Nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Xuất sắc		67	55	88	72	63	0	265	
49	1433	Võ Thùy Trang		05/02/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		60	66	72	80	72,25	0	264	
50	1278	Đinh Văn Môn	12/07/1988		CV Nghiệp vụ	ĐH Phương Đông	Khá		51	70	72	80	39	0	263	
51	1435	Nguyễn Ngọc Trâm		13/6/1994	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Xuất sắc		54	68	72	64	62,5	0	262	
52	1445	Phan Hoàng Vũ	27/09/1992		CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá	x	62	58	84	76	Miễn	0	262	
53	1323	Nguyễn Mai Phương		13/12/1994	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi		65,5	56	84	64	62,5	0	261,5	
54	1449	Lê Hải Yến		04/06/1993	CV Nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Giỏi		44,25	55	84	76	76,5	20	258,25	
55	1256	Nguyễn Thị Mỹ Linh		23/9/1995	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Xuất sắc		40	69	80	76	82	0	258	
56	1213	Lê Bảo Hưng	23/11/1994		CV Nghiệp vụ	ĐH Tây Anh Bristol-KTQD	Giỏi		63,5	58,5	76	88	Miễn	0	256,5	
57	1088	Phạm Thị Châu Anh		21/6/1988	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi	x	50	65	76	72	Miễn	0	256	
58	1123	Nguyễn Thùy Dương		13/12/1988	CV Nghiệp vụ	Thăng Long	Xuất sắc	x	40	66	84	84	80,5	0	256	
59	1209	Thái Thị Thương Huyền		17/12/1985	CV Nghiệp vụ	Kinh doanh và Công nghệ	Khá	x	77	55	68	#N/A	78,5	0	255	
60	1294	Vũ Thị Bích Ngọc		04/01/1993	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi	x	41	67	80	56	Miễn	0	255	
61	1084	Bùi Thị Việt Anh		06/08/1986	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá	x	42,5	68	76	72	70	0	254,5	
62	1311	Đỗ Lâm Oanh		30/05/1995	CV Nghiệp vụ	ĐH Công nghiệp HN	Khá		66	56	76	56	33,5	0	254	
63	1262	Nguyễn Giang Loan		23/12/1990	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Giỏi		35	65	88	84	56	0	253	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
64	1245	Nguyễn Nhật Linh		06/05/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Xuất sắc		44,25	66	76	76	72,5	0	252,25	
65	1411	Đặng Thị Huyền Trang		17/03/1992	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		74	61	56	80	64,5	0	252	
66	1417	Mai Thu Trang		22/5/1992	CV Nghiệp vụ	ĐH Hà Nội	Khá		79,5	54	64	92	Miễn	0	251,5	
67	1371	Đặng Thị Thảo		10/09/1987	CV Nghiệp vụ	Kinh tế Quốc dân	Khá	x	51,5	65,5	68	84	Miễn	0	250,5	
68	1083	Lương Ngọc Vân Anh		09/12/1990	CV Nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Khá	x	43	63	80	72	50	0	249	
69	1238	Phạm Thị Thùy Linh		11/07/1992	CV Nghiệp vụ	ĐH Thương Mại	Giỏi		45	68	68	76	57,5	0	249	
70	1244	Trần Diệu Linh		05/09/1993	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi		42,5	63	80	76	80,5	0	248,5	
71	1086	Lê Đức Anh	28/8/1993		CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		56,25	56	80	84	Miễn	0	248,25	
72	1097	Vũ Mai Anh		01/01/1995	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Xuất sắc		53,5	65	64	76	Miễn	0	247,5	
73	1201	Đỗ Thị Thanh Huyền		21/09/1993	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá		59	68	52	64	75,25	0	247	
74	1274	Đinh Thị Ngọc Mai		18/2/1995	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá		71	50	76	84	54,5	0	247	
75	1179	Nguyễn Khánh Hòa		18/9/1990	CV Nghiệp vụ	Thăng Long	Giỏi		39,5	67,5	72	80	84,5	0	246,5	
76	1078	Đinh Thùy Anh		20/08/1992	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		41	62	80	92	50	0	245	
77	1191	Nguyễn Đức Hùng	23/9/1993		CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá		39	63	80	68	61,5	0	245	
78	1400	Nguyễn Kim Thúy		21/02/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá		58,75	57	72	64	41	0	244,75	
79	1348	Doãn Thị Tâm		28/12/1990	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi		50	57	80	64	91,25	0	244	

HK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
80	1199	Ngô Thanh Huyền		11/01/1992	CV Nghiệp vụ	ĐH HN	Khá		53	55	80	72	Miễn	0	243	
81	1074	Nguyễn Thị An		08/02/1993	CV Nghiệp vụ	ĐH Bách khoa HN	Giỏi		51	59	72	80	50	0	241	
82	1096	Đỗ Hoàng Anh	26/8/1992		CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Khá		50	55	80	92	67	0	240	
83	1451	Nguyễn Thị Hải Yến		03/07/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		38	64	72	72	59,5	0	238	
84	1367	Hoàng Nam Thành	14/12/1992		CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá		33	64	76	72	71	0	237	
85	1105	Bùi Thị Bích		05/05/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Giỏi		41,5	57,5	80	72	45,5	0	236,5	
86	1297	Lê Đình Ngọc	05/04/1992		CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi	x	26	61	88	84	Miễn	0	236	
87	1205	Đoàn Khánh Huyền		05/03/1991	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi		63	48	76	76	58,25	0	235	
88	1302	Hoàng Thị Hạnh Nhân		16/10/1994	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá		73	39	84	84	81	0	235	
89	1365	Nguyễn Thanh Thanh		24/5/1992	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá		61	51	72	52,8	Miễn	0	235	Vi phạm quy chế môn Tin
90	1135	Nguyễn Thu Hà		22/12/1987	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá	x	40	69	56	64	50	0	234	
91	1303	Lê Thị Nhẫn		01/05/1991	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi		77,5	36	84	80	68	0	233,5	
92	1329	Hoàng Thị Mai Phương		09/12/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		59	47	80	84	59,5	0	233	
93	1271	Nguyễn Phong Mai		08/08/1991	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi	x	28	70	64	68	69	0	232	
94	1324	Nguyễn Thanh Phương		03/10/1988	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi	x	56	50	76	72	80	0	232	
95	1427	Lê Huyền Trang		12/08/1994	CV Nghiệp vụ	ĐH Thương mại liên kết ĐH Toulon	Giỏi		76	40	76	68	Miễn	0	232	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
96	1192	Bùi Xuân Huy	22/01/1993		CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		35	59	68	Miễn	63,75	10	231	
97	1260	Nguyễn Thị Thúy Loan		24/08/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		42	48	88	68	55,5	0	226	
98	1327	Vũ Thị Lan Phương		07/11/1994	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi		58	44	80	72	74,5	0	226	
99	1115	Hoàng Văn Chí	06/07/1995		CV Nghiệp vụ	Thương Mại	Khá		40,5	50,5	84	80	50	0	225,5	
100	1173	Trần Trung Hiếu	17/1/1994		CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi		29	56	84	80	90,5	0	225	
101	1207	Nguyễn Thị Huyền		09/05/1987	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá		41	46	92	72	58,25	0	225	
102	1432	Dương Thị Thu Trang		10/02/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		44	56	68	68	Miễn	0	224	
103	1290	Lưu Thị Hằng Nga		29/9/1991	CV Nghiệp vụ	ĐH Mở HN	Khá		42	50	80	52	43	0	222	
104	1385	Nguyễn Viết Thịnh	12/09/1984		CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		31,25	59	72	88	Miễn	0	221,25	
105	1267	Nguyễn Thị Diệu Ly		08/01/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Giỏi		54	41	84	96	55,5	0	220	
106	1378	Nguyễn Thị Phương Thảo		28/11/1988	CV Nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Quốc dân	Khá		36	50	84	68	Miễn	0	220	
107	1153	Bùi Thị Hồng Hạnh		03/06/1990	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi	x	42	52	72	84	56,5	0	218	
108	1347	Nguyễn Thị Minh Tâm		20/08/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Giỏi		62	30	76	76	59	20	218	
109	1375	Trần Phương Thảo		08/03/1991	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		60	41	76	64	50	0	218	
110	1299	Kiều Bích Ngọc		25/12/1990	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi	x	51,5	41	84	92	Miễn	0	217,5	
111	1121	Trần Thị Thùy Dung		02/04/1995	CV Nghiệp vụ	HV chính sách và phát triển	Xuất sắc		65	32	88	88	76,5	0	217	

HK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
112	1413	Hoàng Thị Tranh		25/4/1990	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá		64,5	38	76	60	64	0	216,5	
113	1144	Trịnh Ngọc Hải	30/10/1994		CV Nghiệp vụ	ĐH Công đoàn	Khá		51	50,5	64	68	73	0	216	
114	1362	Vũ Xuân Thái	29/09/1993		CV Nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Giỏi	x	26	51	88	84	Miễn	0	216	
115	1443	Nguyễn Lê Hoàng Việt	22/07/1995		CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá		23,25	64	64	72	Miễn	0	215,25	
116	1204	Phan Thị Thanh Huyền		10/10/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		61	39	76	64	52	0	215	
117	1346	Tạ Đức Tài	27/6/1993		CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá		65	37	76	88	61,25	0	215	
118	1160	Nguyễn Thu Hằng		24/11/1995	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi		44,5	45	80	80	72	0	214,5	
119	1215	Tạ Thu Hương		05/08/1991	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Giỏi		33	52,5	76	72	57,5	0	214	
120	1312	Trần Kiều Oanh		01/03/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Giỏi		56	33	92	80	57	0	214	
121	1397	Nguyễn Thị Thanh Thủy		30/12/1993	CV Nghiệp vụ	Kinh doanh và Công nghệ	Giỏi		39	55,5	64	64	50	0	214	
122	1231	Nguyễn Bảo Lê		09/10/1991	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Giỏi		60,5	40	72	72	54	0	212,5	
123	1119	Trần Thị Thùy Dung		27/12/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Xuất sắc		58	39	76	68	79	0	212	
124	1328	Phạm Thị Thu Phương		02/04/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi		61	37	76	80	74,5	0	211	
125	1438	Đỗ Thị Thanh		01/09/1992	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		68,25	33	76	76	73,75	0	210,25	
126	1318	Nguyễn Thị Mai Phương		16/7/1991	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi		30	48	84	80	75,5	0	210	
127	1382	Phạm Việt Thắng	05/02/1995		CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi		50	44	72	80	64	0	210	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	=((11)*2+(10)+ (12)+(15))	
128	1393	Phạm Ninh Thuận		19/9/1992	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		58,5	43	64	72	40,5	0	208,5	
129	1237	Phạm Mỹ Linh		01/11/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Giỏi		63,75	40	64	88	64	0	207,75	
130	1306	Lâm Thị Cẩm Nhung		16/5/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		40,5	41,5	84	60	55,5	0	207,5	
131	1368	Đặng Tiến Thành	18/01/1994		CV Nghiệp vụ	ĐH Luân Đôn	Khá		35	48	76	72	Miễn	0	207	
132	1182	Nguyễn Việt Hoàng	05/05/1991		CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x	65,5	34,5	72	72	63	0	206,5	
133	1333	Nguyễn Ngọc Quang	10/02/1992		CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá		50,5	36	84	76	65	0	206,5	
134	1139	Lê Thị Vân Hà		21/9/1985	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá		54	44	64	76	#N/A	0	206	
135	1335	Nguyễn Đức Quân	18/12/1994		CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		50	47,5	60	52	35,5	0	205	
136	1434	Nguyễn Công Tráng	28/7/1995		CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá		38,5	49	68	68	55	0	204,5	
137	1275	Nguyễn Thu Mây		22/9/1988	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá	x	30	55	64	80	78	0	204	
138	1111	Vũ Ngọc Châu	24/10/1993		CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Xuất sắc		23,5	49,5	80	76	76,5	0	202,5	
139	1151	Phạm Thị Minh Hải		02/11/1994	CV Nghiệp vụ	Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Khá		25	56	64	76	44	0	201	
140	1380	Lê Hồng Thẩm		13/11/1993	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi		59	35	72	72	78	0	201	
141	1281	Đinh Đức Nam	12/08/1991		CV Nghiệp vụ	ĐH Mở HN	Khá	x	52,5	32	64	84	36	20	200,5	
142	1073	Bùi Thị Mai An		01/04/1991	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá		30,5	52	64	76	75,5	0	198,5	
143	1308	Nguyễn Thị Hồng Nhung		17/10/1994	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Xuất sắc		40	37	84	80	75,5	0	198	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
144	1228	Đỗ Thảo Lan		28/01/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		56	37,5	64	68	74	0	195	
145	1370	Lê Thị Thảo		23/11/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Giỏi		51	38	68	68	54,5	0	195	
146	1284	Đặng Thị Quỳnh Nga		03/01/1985	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá		52,5	35	72	76	50,25	0	194,5	
147	1369	Nguyễn Văn Thành	16/7/1983		CV Nghiệp vụ	Kinh tế TP Hồ chính Minh	Khá	x	50,5	36	52	56	Miễn	20	194,5	
148	1131	Hoàng Thị Minh Giang		01/08/1992	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Giỏi		38	40	76	76	22	0	194	
149	1094	Trần Thị Hương Anh		06/10/1990	CV Nghiệp vụ	Đại Nam	Giỏi		25,75	49,5	68	76	52,5	0	192,75	
150	1138	Nguyễn Thị Hải Hà		03/07/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Khá		70,5	30,5	60	80	56	0	191,5	
151	1082	Nguyễn Thị Mai Anh		10/09/1991	CV Nghiệp vụ	Học Viện Ngân hàng	Giỏi		57	34	64	76	69	0	189	
152	1221	Lê Trung Kiên	06/07/1993		CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		21	45,5	76	72	#N/A	0	188	
153	1401	Phạm Ngọc Thúy		05/05/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Khá		29,5	52,5	52	88	69,5	0	186,5	
154	1277	Đặng Thị Nguyệt Minh		07/11/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		53	40	52	64	76	0	185	
155	1408	Vũ Hương Trà		18/9/1993	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá		67	30,5	56	64	55	0	184	
156	1193	Vũ Quang Huy	02/09/1994		CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		41	37	68	96	32	0	183	
157	1379	Dương Phương		08/09/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Giỏi		57	35	56	76	91	0	183	
158	1106	Nguyễn Hải Bình		08/02/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		50	36	60	76	42,5	0	182	
159	1133	Vũ Thị Hương Giang		19/9/1989	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá		45	32	72	72	85	0	181	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
160	1211	Phạm Thị Thu Huyền		20/6/1986	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Khá	x	42	41,2	56	72	39	0	180,4	
161	1241	Nguyễn Khánh Linh		16/11/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Giỏi		30,25	39	72	76	58,5	0	180,25	
162	1319	Vương Thị Bích Phương		29/10/1994	CV Nghiệp vụ	Kinh tế Quốc dân	Xuất sắc		43,5	34	68	84	77	0	179,5	
163	1132	Dương Thị Hương Giang		26/9/1991	CV Nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Giỏi		55	23,5	76	80	78,5	0	178	
164	1134	Phạm Ngọc Hương Giang		09/09/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá		50	30	64	64	72	0	174	
165	1112	Nguyễn Linh Chi		10/10/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		39	37	60	72	71,5	0	173	
166	1322	Nguyễn Lê Phương		07/05/1987	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá		51	29	64	60	42,5	0	173	
167	1126	Đào Thành Đạt	06/07/1990		CV Nghiệp vụ	HV Ngân hàng - ĐH Sunderland	Khá	x	40	31,5	68	72	Miễn	0	171	
168	1101	Hoàng Ngọc Ánh		27/11/1990	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá		51,5	21,5	76	52	32	0	170,5	
169	1216	Nguyễn Thị Mai Hương		22/9/1992	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi		69	16,5	68	72	87	0	170	
170	1116	Nguyễn Thị Chung		04/07/1987	CV Nghiệp vụ	Phương Đông	Khá		50	18,4	76	64	23	0	162,8	
171	1142	Nguyễn Ngọc Hà		03/01/1988	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		33	36,5	56	76	63	0	162	
172	1389	Đặng Thị Hà Thu		09/04/1989	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		29,25	32	68	76	66,5	0	161,25	
173	1234	Đào Phương Linh		01/03/1995	CV Nghiệp vụ	ĐH Công đoàn	Khá		39	23	76	72	67,5	0	161	
174	1186	Lê Thị Hồng		14/10/1987	CV Nghiệp vụ	Tài chính và KT Thương Hải	Khá	x	38	29	64	64	Miễn	0	160	
175	1418	Trần Thị Huyền Trang		03/10/1988	CV Nghiệp vụ	Kinh tế và QTKD	Khá		74	9	68	64	26,5	0	160	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
176	1212	Đỗ Thị Huyền		23/1/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		44	23,7	68	80	65,5	0	159,4	Vi phạm quy chế môn CMNV
177	1376	Đặng Phương Thảo		15/6/1991	CV Nghiệp vụ	ĐH Quốc gia - East London	Giỏi		33	31	64	68	Miễn	0	159	
178	1332	Đỗ Minh Phương		28/10/1991	CV Nghiệp vụ	ĐH Đại Nam	Khá		67	15	60	80	45,5	0	157	
179	1343	Hoàng Nam Sơn	08/02/1994		CV Nghiệp vụ	ĐH Tài chính - Ngân hàng HN	Khá		50	27	52	64	17,5	0	156	
180	1356	Lưu Lê Anh Tuấn	04/10/1995		CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi		54	17	68	92	68,25	0	156	
181	1122	Nguyễn Thị Thùy Dung		11/06/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi		21,9	45	44	76	40,75	0	155,9	Vi phạm quy chế môn KTC
182	1165	Nguyễn Thu Hiền		20/11/1992	CV Nghiệp vụ	Đại Nam	Giỏi		58,5	10	56	72	29,5	20	154,5	
183	1313	Đỗ Thị Oanh		02/07/1986	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		45	22	64	68	58,5	0	153	
184	1187	Nguyễn Thị Hồng Huế		03/07/1989	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá		57	19	56	60	52,75	0	151	
185	1181	Nguyễn Thúy Hoàn		18/12/1991	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Giỏi		30	21,5	76	72	69	0	149	
186	1345	Hà Quốc Sơn	21/2/1995		CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		40	20	48	60	33	20	148	
187	1075	Nguyễn Thị Thùy Anh		04/07/1994	CV Nghiệp vụ	ĐH Công đoàn	Khá		36,5	25	60	72	63	0	146,5	
188	1286	Phạm Linh Nga		06/12/1991	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá		24,5	33	56	56	42,5	0	146,5	
189	1386	Nguyễn Sơn Thọ	17/5/1994		CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi		23,75	23	76	72	Miễn	0	145,75	
190	1171	Phạm Hoàng Hiền	14/9/1993		CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		29	22	72	76	25	0	145	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$=(11)*2+(10)+(12)+(15)$	
191	1314	Nghiêm Hà Phong	27/10/1992		CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		24	25	68	84	59	0	142	
192	1280	Lê Thị Trà My		18/4/1991	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		41,5	12	68	80	77	0	133,5	Vi phạm quy chế môn CMNV
193	1372	Đỗ Phương Thảo		25/8/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi		36	10	76	72	67,5	0	132	
194	1439	Trần Thị Vân		31/12/1991	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		34,5	26	44	44	26,5	0	130,5	
195	1392	Hoàng Thị Minh Thu		22/12/1985	CV Nghiệp vụ	ĐH Đông Đô	Khá	x	16,75	28	56	60	30	0	128,75	
196	1254	Trần Thúy Linh		21/11/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		6	32	56	80	79	0	126	
197	1316	Trần Quỳnh Phương		25/12/1989	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi	x	56	1	68	88	74,5	0	126	
198	1381	Nguyễn Thị Thắm		10/03/1989	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá		52,5	0	72	72	78	0	124,5	
199	1236	Đinh Thị Thùy Linh		17/03/1994	CV Nghiệp vụ	ĐH Công đoàn	Khá		24,5	17	64	68	Miễn	0	122,5	
200	1402	Nguyễn Thị Phương Thúy		15/6/1993	CV Nghiệp vụ	Quốc tế Bắc Hà	Khá		18,5	20	64	60	50	0	122,5	
201	1358	Phạm Đức Tùng	12/11/1995		CV Nghiệp vụ	Học Viện Ngân Hàng	Khá		29	23	44	52	38	0	119	
202	1421	Nguyễn Thùy Trang		03/09/1994	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương - London Metropolitan	Giỏi		42	12	52	Miễn	Miễn	0	118	
203	1176	Nguyễn Thị Hoa		12/01/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Khá		0	21	72	68	73,5	0	114	Vi phạm quy chế (hai màu mực môn KTC)
204	1196	Phùng Quang Huy	16/1/1995		CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi		38	0	76	80	68,5	0	114	
205	1416	Phan Thị Huyền Trang		27/11/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi		51	0	60	68	44	0	111	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) * 2 + (10) + (12) + (15)$	
206	1239	Trần Tuấn Linh	02/11/1994		CV Nghiệp vụ	ĐH Kinh tế - Kỹ thuật CN	Khá		40,5	4	60	72	58,5	0	108,5	
207	1431	Nguyễn Thị Thu Trang		06/04/1994	CV Nghiệp vụ	FPT	Khá		23	22	40	64	55	0	107	
208	1283	Lại Thanh Nga		26/02/1995	CV Nghiệp vụ	Kinh doanh và Công nghệ HN	Khá		28,5	15	48	64	34	0	106,5	
209	1360	Lê Văn Tùng	09/03/1992		CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá		30	0	76	84	78,5	0	106	
210	1272	Lê Thị Mai		14/4/1991	CV Nghiệp vụ	ĐH Kinh tế - ĐH Quốc Gia	Khá		33	2	48	52	24,5	20	105	
211	1414	Đinh Thị Thu Trang		20/4/1993	CV Nghiệp vụ	Kinh doanh và Công nghệ	Khá		22	16	48	52	50,5	0	102	
212	1285	Ngô Hằng Nga		16/12/1987	CV Nghiệp vụ	ĐH Kinh doanh và Công nghệ	Khá	x	27	16	40	60	26,5	0	99	
213	1259	Tổng Khánh Linh		28/1/1995	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi		23	0	72	56	89	0	95	
214	1265	Nguyễn Tổ Loan		03/11/1988	CV Nghiệp vụ	HV ngân hàng - ĐH Sunderland	Khá		27	12	44	64	Miễn	0	95	
215	1264	Đỗ Thị Thanh Loan		05/12/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Giỏi		26	0	68	72	37,5	0	94	
216	1441	Nguyễn Thị Bích Vân		18/1/1991	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá		30,25	0	60	68	50	0	90,25	
217	1150	Lê Thanh Hải	23/1/1991		CV Nghiệp vụ	Thăng Long	Khá		16	0	72	72	71	0	88	
218	1248	Nguyễn Hải Linh		12/06/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Khá		22	8	48	64	32,5	0	86	
219	1295	Nguyễn Thị Bích Ngọc		01/05/1988	CV Nghiệp vụ	KT tài chính Tây Nam (TQ)	Giỏi		19	9	48	64	63,5	0	85	
220	1177	Lê Thị Thanh Hòa		01/10/1991	CV Nghiệp vụ	Kinh doanh và Công nghệ	Giỏi		24	7	44	40	14	0	82	
221	1251	Nguyễn Tuấn Linh	28/5/1995		CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá		12,5	8	52	76	62,5	0	80,5	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
222	1355	Lê Hùng Tú	29/9/1991		CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá	x	15	2	56	72	Miễn	0	75	
223	1394	Vương Thị Thanh Thủy		27/5/1990	CV Nghiệp vụ	Kinh tế Quốc dân	Khá		8	5	56	52	24,5	0	74	
224	1109	Phạm Ngọc Cương	07/11/1992		CV Nghiệp vụ	Kinh doanh và Công nghệ	Khá		22	0	48	52	17,5	0	70	
225	1110	Đặng Đức Cường	21/9/1992		CV Nghiệp vụ	ĐH Kinh tế quốc dân	Giỏi		31	0	0	0	0	0	31	
226	1194	Vũ Nguyên Huy	30/12/1995		CV Nghiệp vụ	ĐH Mở HN	Khá		27	0	0	0	0	0	27	
227	1092	Nguyễn Thị Ngọc Anh		25/01/1994	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi		17,5	0	0	0	0	0	17,5	
228	1307	Vũ Hồng Nhung		28/10/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Khá		5	0	0	0	0	0	5	
229	1206	Lê Thị Ngọc Huyền		16/2/1994	CV Nghiệp vụ	HV chính sách và phát triển	Khá		2	0	0	0	0	0	2	
230	1071	Trương Việt An	16/10/1991		CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi
231	1102	Trịnh Nguyệt Ánh		04/03/1992	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi									Không dự thi
232	1127	Nguyễn Thị Định		10/12/1992	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Giỏi									Không dự thi
233	1155	Nông Thị Hồng Hạnh		14/7/1987	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi	x								Không dự thi
234	1184	Lâm Quốc Hoàng	23/1/1992		CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi
235	1195	Lê Quang Huy	25/9/1990		CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Khá	x								Không dự thi
236	1200	Nguyễn Thị Huyền		15/11/1990	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi									Không dự thi
237	1219	Nguyễn Thị Hường		24/12/1991	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá									Không dự thi

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) * 2 + (10) + (12) + (15)$	
238	1243	Nguyễn Khánh Linh	06/09/1993		CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi
239	1263	Vương Thu Loan		02/11/1987	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi									Không dự thi
240	1349	Trịnh Thị Minh Tâm		04/08/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Xuất sắc									Không dự thi
241	1353	Diệp Minh Toán	19/01/1992		CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá									Không dự thi
242	1387	Lương Hoàng Thọ	11/03/1990		CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá	x								Không dự thi
243	1395	Trần Thị Thu Thủy		18/6/1990	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi									Không dự thi
244	1070	Lê Trịnh Bình An		02/08/1993	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi									Không dự thi
245	1076	Đặng Thị Lan Anh		24/07/1994	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Xuất sắc									Không dự thi
246	1077	Nguyễn Lan Anh		28/06/1991	CV Nghiệp vụ	Kinh tế - Kỹ thuật CN	Khá	x								Không dự thi
247	1079	Nguyễn Phương Anh		22/12/1995	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi									Không dự thi
248	1080	Đặng Quỳnh Anh		15/08/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Xuất sắc									Không dự thi
249	1085	Nguyễn Lan Anh		08/05/1992	CV Nghiệp vụ	ĐH Thăng Long	Giỏi									Không dự thi
250	1087	Tổng Quang Anh	16/11/1994		CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi									Không dự thi
251	1089	Nguyễn Thị Lan Anh		03/03/1993	CV Nghiệp vụ	Kinh doanh và Công nghệ	Khá									Không dự thi
252	1090	Nguyễn Hoài Anh		12/03/1995	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi									Không dự thi
253	1091	Hoàng Quỳnh Anh		21/1/1995	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Xuất sắc									Không dự thi

th

[illegible]

扶

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
270	1145	Nguyễn Thanh Hải		02/12/1990	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Xuất sắc	x								Không dự thi
271	1146	Vũ Mạnh Hải	02/02/1995		CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi
272	1148	Hoàng Thị Hải		15/8/1992	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá									Không dự thi
273	1149	Lê Thị Hải		03/10/1984	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá	x								Không dự thi
274	1154	Trần Thị Thúy Hạnh		05/01/1992	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi
275	1156	Phạm Đức Hạnh	07/04/1992		CV Nghiệp vụ	Trường ĐH Ngoại thương	Khá									Không dự thi
276	1157	Lê Thị Hồng Hạnh		15/12/1991	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi
277	1158	Trịnh Thị Hào		07/03/1979	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá									Không dự thi
278	1159	Vũ Thị Hằng		05/01/1992	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x								Không dự thi
279	1161	Hoàng Thị Hằng		14/12/1990	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi									Không dự thi
280	1162	Nguyễn Thị Bích Hậu		18/04/1993	CV Nghiệp vụ	Đh Tổng hợp Irkutsk - Nga	Xuất sắc									Không dự thi
281	1163	Hàn Hữu Hậu	10/07/1987		CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá									Không dự thi
282	1164	Ngô Thị Hiền		14/10/1991	CV Nghiệp vụ	ĐH Kinh tế - ĐH Quốc Gia	Khá									Không dự thi
283	1168	Nguyễn Thu Hiền		28/5/1991	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi
284	1169	Phạm Thị Thu Hiền		22/12/1991	CV Nghiệp vụ	Thương mại	Khá	x								Không dự thi
285	1170	Nguyễn Kim Hiền		30/3/1994	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$=(11)*2+(10)+$ $+(12)+(15)$	
286	1172	Đặng Trần Tuấn Hiệp	27/4/1995		CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Xuất sắc									Không dự thi
287	1175	Ngô Quỳnh Hoa		15/11/1991	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá									Không dự thi
288	1178	Nguyễn Thị Khánh Hòa		30/4/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi									Không dự thi
289	1180	Lưu Thị Hoàn		06/08/1986	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá	x								Không dự thi
290	1183	Đàm Vũ Hoàng	22/4/1994		CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá									Không dự thi
291	1185	Lê Thị Hồng		16/5/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi									Không dự thi
292	1188	Vũ Thị Huế		23/12/1990	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi	x								Không dự thi
293	1189	Nguyễn Hoàng Huệ		03/02/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Xuất sắc									Không dự thi
294	1190	Khổng Thị Kim Huệ		11/09/1988	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá	x								Không dự thi
295	1202	Nguyễn Thị Huyền		11/11/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Xuất sắc									Không dự thi
296	1203	Lê Minh Huyền		21/11/1991	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x								Không dự thi
297	1208	Nguyễn Thị Thanh Huyền		06/07/1993	CV Nghiệp vụ	Thăng Long	Khá									Không dự thi
298	1210	Nguyễn Thị Thanh Huyền		07/03/1991	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi									Không dự thi
299	1214	Phạm Tuấn Hưng	25/11/1990		CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá									Không dự thi
300	1217	Phan Nguyễn Mai Hương		22/4/1995	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi
301	1218	Trần Thị Mai Hương		15/8/1991	CV Nghiệp vụ	Toulon Var	Khá	x								Không dự thi

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) * 2 + (10) + (12) + (15)$	
302	1220	Đặng Thúy Hường		17/4/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá									Không dự thi
303	1222	Đặng Kim Khánh		12/06/1991	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá									Không dự thi
304	1224	Đào Đăng Khoa	19/8/1994		CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá									Không dự thi
305	1225	Lê Thị Thanh Lam		10/11/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá									Không dự thi
306	1227	Mai Thị Ngọc Lan		30/5/1985	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá									Không dự thi
307	1232	Trịnh Thị Lệ		21/10/1993	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi									Không dự thi
308	1233	Phạm Thùy Liên		31/3/1986	CV Nghiệp vụ	Thăng Long	Khá	x								Không dự thi
309	1240	Lại Thùy Linh		19/08/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi									Không dự thi
310	1242	Đinh Thùy Linh		19/5/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá									Không dự thi
311	1246	Trịnh Thị Thùy Linh		12/07/1991	CV Nghiệp vụ	ĐH Kinh tế - ĐH Quốc gia HN	Giỏi									Không dự thi
312	1247	Hoàng Mạnh Linh	21/12/1993		CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá									Không dự thi
313	1249	Lê Thùy Linh		20/1/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá									Không dự thi
314	1250	Nguyễn Thị Khánh Linh		19/6/1995	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Khá									Không dự thi
315	1252	Vũ Thị Ngọc Linh		19/9/1993	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Giỏi									Không dự thi
316	1253	Lương Thị Diệu Linh		02/09/1992	CV Nghiệp vụ	ĐH Công đoàn	Khá									Không dự thi
317	1255	Lưu Thị Thùy Linh		25/12/1992	CV Nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá									Không dự thi

th

[illegible]

[illegible]

块

[illegible]

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	= (11)*2 + (10) + (12) + (15)	
366	1406	Phạm Thị Thương		07/01/1989	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi
367	1409	Thái Thị Thu Trang		15/09/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá									Không dự thi
368	1412	Nguyễn Huyền Trang		21/09/1993	CV Nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Giỏi									Không dự thi
369	1415	Đào Thị Huyền Trang		12/06/1992	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Xuất sắc	x								Không dự thi
370	1420	Phạm Quỳnh Trang		25/10/1987	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Khá	x								Không dự thi
371	1423	Nguyễn Thị Ngọc Trang		18/5/1993	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi									Không dự thi
372	1424	Vũ Huyền Trang		15/10/1994	CV Nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi									Không dự thi
373	1425	Nguyễn Thị Minh Trang		01/06/1990	CV Nghiệp vụ	ĐH Toulon (Pháp)	Khá									Không dự thi
374	1426	Nguyễn Huyền Trang		14/7/1990	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi									Không dự thi
375	1429	Hoàng Thu Trang		22/8/1991	CV Nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Khá	x								Không dự thi
376	1430	Phạm Đoan Trang		29/05/1990	CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá									Không dự thi
377	1437	Phạm Thành Trung	27/9/1993		CV Nghiệp vụ	Kinh doanh và Công nghệ	Khá									Không dự thi
378	1440	Lê Thị Hồng Vân		20/11/1989	CV Nghiệp vụ	Ngoại thương	Giỏi	x								Không dự thi
379	1444	Vũ Minh Việt	24/8/1991		CV Nghiệp vụ	Kinh doanh và Công nghệ	Khá									Không dự thi
380	1446	Hoàng Quốc Vũ	31/7/1992		CV Nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá									Không dự thi
381	1447	Đinh Thị Huyền Vy		24/5/1993	CV Nghiệp vụ	Greenwich	Khá									Không dự thi

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) * 2 + (10) + (12) + (15)$	
382	1448	Vũ Thị Hải Yến		31/07/1990	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi									Không dự thi
383	1450	Trần Hải Yến		24/9/1990	CV Nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá	x								Không dự thi
384	1452	Nguyễn Ngọc Yến		15/4/1985	CV Nghiệp vụ	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x								Không dự thi

th



Vị trí:

Chuyên viên Kế toán Kiểm toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(11)*2+(10) +(12)+(15)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
1	1515	Nguyễn Thị Cẩm Lai		17/10/1988	CV Kế toán-Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x	67,75	65,5	80	72	67,5	0	278,75	Dự kiến trúng tuyển
2	1465	Mai Thị Vân Anh		10/09/1995	CV Kế toán-Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Xuất sắc		65	62	88	84	80,5	0	277	Dự kiến trúng tuyển
3	1521	Nguyễn Thị Diệu Linh		27/4/1986	CV Kế toán-Kiểm toán	Học viện tài chính	Khá	x	61,75	70	52	64	51,5	0	253,75	Dự kiến trúng tuyển
4	1549	Ngô Phú Sơn	24/6/1993		CV Kế toán-Kiểm toán	ĐHQG - Southern New Hampshire	Khá		53	66	68	76	Miễn	0	253	Dự kiến trúng tuyển
5	1527	Nguyễn Thị Ngọc Mai		10/10/1988	CV Kế toán-Kiểm toán	Học Viện Ngân Hàng	Khá	x	51,5	70	60	72	50,5	0	251,5	Dự kiến trúng tuyển
6	1482	Nguyễn Hương Giang		07/10/1991	CV Kế toán-Kiểm toán	Buckingham University	Khá	x	54	62	72	64	Miễn	0	250	Dự kiến trúng tuyển
7	1534	Nguyễn Thị Kim Ngân		17/10/1990	CV Kế toán-Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Giỏi		74	55,5	64	72	70	0	249	
8	1491	Nguyễn Thúy Hằng		30/10/1988	CV Kế toán-Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Khá		54	62,5	68	60	36,5	0	247	
9	1571	Phạm Thu Trang		01/03/1995	CV Kế toán-Kiểm toán	Học viện tài chính	Giỏi		58,5	51,5	84	80	60	0	245,5	
10	1529	Phạm Thị Mai		10/12/1990	CV Kế toán-Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Khá	x	69,25	54	68	68	Miễn	0	245,25	
11	1484	Trương Thị Tuyết Hà		11/11/1991	CV Kế toán-Kiểm toán	Học viện Tài chính	Giỏi	x	60	48,5	84	84	72	0	241	
12	1581	Lê Thị Vinh		04/05/1986	CV Kế toán-Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x	41	69	60	72	52	0	239	
13	1523	Nguyễn Diệu Linh		10/02/1995	CV Kế toán-Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Khá		66,25	58	56	84	82	0	238,25	
14	1570	Nguyễn Thị Thu Trang		24/12/1989	CV Kế toán-Kiểm toán	Kinh doanh và Công nghệ	Khá		41,5	66	44	64	72	20	237,5	

HK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(11)*2+(10) +(12)+(15)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
15	1524	Tạ Thùy Linh		14/11/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Tài chính	Xuất sắc		34	61,5	80	84	62,5	0	237	
16	1470	Nguyễn Thị Hà Chi		08/08/1990	CV Kế toán- Kiểm toán	Ngoại thương	Giỏi	x	45	60,5	48	68	70,25	20	234	
17	1560	Lê Thị Bích Thủy		17/12/1994	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Tài chính	Giỏi		50	53,5	76	76	79	0	233	
18	1538	Bùi Minh Ngọc		29/6/1992	CV Kế toán- Kiểm toán	Phương Đông	Khá		52,5	57	60	80	64,5	0	226,5	
19	1464	Phạm Thị Ngọc Anh		17/9/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện ngân hàng	Giỏi		50	58	60	80	66,75	0	226	
20	1477	Nguyễn Tiến Định	25/06/1991		CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	Khá		50,5	52,5	68	80	24	0	223,5	
21	1485	Bùi Ngọc Hà		07/05/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Khá		53,5	56,5	56	80	65	0	222,5	
22	1566	Nguyễn Thị Thùy Trang		07/05/1991	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Khá		54,25	50	68	80	58,5	0	222,25	
23	1487	Ngô Thị Thu Hà		16/10/1994	CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Khá		44	50	56	52	48	20	220	
24	1505	Nguyễn Thị Thanh Huyền		05/03/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Trường ĐH Lao động - xã hội	Giỏi		45,5	45	84	80	73	0	219,5	
25	1489	Đỗ Thị Thu Hà		03/11/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Tài chính	Xuất sắc		51,5	51	64	68	62	0	217,5	
26	1537	Lê Phương Ngọc		10/05/1989	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện ngân hàng	Khá	x	39	53	72	72	64	0	217	
27	1472	Tạ Thị Kim Dung		27/09/1984	CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh doanh và Công nghệ	Khá	x	58,5	54	48	72	Miễn	0	214,5	
28	1540	Hoàng Bích Ngọc		22/09/1990	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện ngân hàng	Khá		54	54	52	72	43	0	214	
29	1536	Trần Thị Thanh Ngọc		12/05/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Giỏi		66	45,5	56	76	50	0	213	
30	1503	Trương Đức Huy	23/3/1995		CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Giỏi		39	54,5	64	76	41,5	0	212	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(11)*2+(10) +(12)+(15)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
31	1495	Lê Thị Hằng		28/3/1992	CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	Giỏi		57,5	51	52	80	54,5	0	211,5	
32	1502	Nguyễn Thị Minh Huệ		11/10/1990	CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH Lao động - Xã hội	Khá	x	54,5	46,5	44	76	Miễn	20	211,5	
33	1510	Nguyễn Thu Huyền		26/6/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Giỏi		50	52,5	56	72	55,5	0	211	
34	1544	Nguyễn Huyền Phương		30/07/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH Tài chính - QTKD	Xuất sắc		55	50	56	64	58,5	0	211	
35	1577	Đặng Xuân Trường	03/02/1993		CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Giỏi		50	42,5	76	76	79	0	211	
36	1558	Nguyễn Thị Hoài Thu		02/11/1993	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Tài chính	Giỏi		38,5	56	60	68	70	0	210,5	
37	1483	Trần Thị Hà		11/04/1991	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Giỏi		43,5	50	64	84	76,25	0	207,5	
38	1507	Trần Thị Thanh Huyền		25/9/1991	CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH HN	Khá	x	56,5	49	52	76	Miễn	0	206,5	
39	1514	Phạm Duy Khánh	26/9/1991		CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH Kinh tế Quốc dân	Khá		37	54	60	84	72	0	205	
40	1496	Trần Lê Thu Hiền		15/8/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Tài chính	Giỏi		50,5	49	56	80	45	0	204,5	
41	1500	Vũ Thị Việt Hoàn		08/03/1987	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Tài chính	Khá	x	42	39	64	80	38,5	20	204	
42	1530	Trần Ngọc Mai		05/08/1994	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Giỏi		33,25	51	68	88	63	0	203,25	
43	1568	Nguyễn Thị Thiên Trang		25/11/1994	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Giỏi		30,25	56,5	60	84	83	0	203,25	
44	1456	Ngô Thị Trung Anh		17/09/1994	CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH Quốc gia HN	Xuất sắc		63	42	56	88	Miễn	0	203	
45	1554	Hà Phương Thảo		23/7/1993	CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Giỏi		45	50,5	36	60	Miễn	20	202	
46	1574	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		13/2/1994	CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh tế Quốc dân	Giỏi		55,25	51	44	80	72	0	201,25	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(11)*2+(10) +(12)+(15)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
47	1513	Phạm Thị Hương		23/8/1988	CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Khá		45	43	68	80	53,5	0	199	
48	1475	Đặng Hoàng Dương	09/09/1995		CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Tài chính	Khá		50	42	64	68	74,5	0	198	
49	1535	Lê Thúy Ngân		15/05/1989	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Khá		37	44,5	52	72	70	20	198	
50	1461	Nguyễn Thị Vân Anh		16/02/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Hậu Cần	Giỏi		36	50,5	60	72	28,5	0	197	
51	1516	Nguyễn Thị Lam		11/11/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Xuất sắc		26,5	47	76	84	67	0	196,5	
52	1569	Nguyễn Thị Thu Trang		14/11/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Lao động - Xã hội	Khá		21	55,5	64	68	69	0	196	
53	1504	Phùng Thị Thanh Huyền		17/04/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Tài chính	Khá		52	47	48	72	43	0	194	
54	1563	Lưu Minh Thúy		30/11/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Khá		19	51,5	72	64	46,5	0	194	
55	1473	Bùi Anh Dũng	28/3/1995		CV Kế toán- Kiểm toán	Tài chính - QTKD	Giỏi		30,5	53	56	72	23,5	0	192,5	
56	1460	Nguyễn Thị Vân Anh		02/11/1992	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Khá		41	53,5	44	72	36	0	192	
57	1556	Nguyễn Thị Thỏa		29/11/1993	CV Kế toán- Kiểm toán	Lao động - Xã hội	Giỏi		45,5	55,5	32	76	50	0	188,5	
58	1493	Vũ Thị Thúy Hằng		14/3/1993	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện ngân hàng	Khá		42	44,5	56	76	50	0	187	
59	1528	Trần Thị Ngọc Mai		06/07/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Tài chính	Khá		17,5	54,5	60	64	31	0	186,5	
60	1564	Lê Hà Trang		05/04/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Xuất sắc		28,5	45,5	60	88	63,5	0	179,5	
61	1545	Hồ Viết Phương	24/04/1995		CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Khá		30,5	46	56	64	55,5	0	178,5	
62	1578	Trịnh Đạt Trường	26/3/1995		CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Khá		22	41,5	72	80	56	0	177	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(11)*2+(10) +(12)+(15)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
63	1552	Vũ Thị Thanh		23/9/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Giỏi		25	53,5	44	68	50	0	176	
64	1474	Đỗ Thùy Dương		19/11/1992	CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH Công đoàn	Khá		35	44	52	68	25,5	0	175	
65	1532	Lê Thị Nga		14/3/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Thương Mại	Khá		41,5	40,5	48	72	53	0	170,5	
66	1519	Đỗ Thùy Linh		03/01/1993	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Giỏi		24,5	41,6	60	84	65,5	0	167,7	Vi phạm quy chế môn CMNV
67	1561	Tô Thị Thúy		02/12/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH Thương Mại	Khá		27,5	34	52	72	40,5	20	167,5	
68	1499	Lê Phương Hoa		20/7/1993	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện ngân hàng	Giỏi		26	42	56	68	72	0	166	
69	1494	Nguyễn Thị Thu Hằng		22/3/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Giỏi		34	35	56	84	74,5	0	160	
70	1562	Nguyễn Mai Thúy		29/4/1994	CV Kế toán- Kiểm toán	City University London	Giỏi		19	44	52	72	Miễn	0	159	
71	1582	Định Thị Hải Yến		30/04/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Khá		17,75	38,5	64	68	50,5	0	158,75	
72	1553	Cao Thị Phương Thảo		22/10/1992	CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH Lao động - Xã hội	Khá		37	35,5	44	84	70	0	152	
73	1576	Bùi Đức Trung	25/11/1995		CV Kế toán- Kiểm toán	Lao động - Xã hội	Khá		17,5	39	52	64	51	0	147,5	
74	1526	Lê Hồng Long	25/1/1992		CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Khá		29,25	34,4	48	60	55	0	146,05	Vi phạm quy chế môn CMNV
75	1565	Mai Thùy Trang		31/12/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Lao động - Xã hội	Khá		38,25	24	44	72	73	0	130,25	Vi phạm quy chế môn CMNV
76	1546	Lê Minh Phương		24/10/1993	CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH Kinh doanh và Công nghệ	Giỏi		26	27	40	80	64	0	120	
77	1501	Phùng Quốc	03/03/1991		CV Kế toán- Kiểm toán	Kent State	Khá		30	14	48	56	Miễn	0	106	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(11)*2+(10) +(12)+(15)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
78	1551	Trương Ngọc Tú	01/12/1995		CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh doanh và Công nghệ	Khá		16	0	44	76	26,75	20	80	
79	1471	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		13/11/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Khá		20	0	52	72	42,75	0	72	
80	1467	Nguyễn Thị Ngọc Bích		18/10/1991	CV Kế toán- Kiểm toán	Thương Mại	Khá		27	0	24	56	0	0	51	
81	1525	Nguyễn Thị Diệu Linh		19/8/1994	CV Kế toán- Kiểm toán	Công nghệ giao thông vận tải	Khá		1	0	0	0	0	0	1	
82	1478	Lê Phú Minh Đức	29/3/1989		CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện ngân hàng	Khá									Không dự thi
83	1547	Lê Thị Minh Phượng		27/11/1990	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Khá									Không dự thi
84	1567	Nguyễn Văn Trang		26/3/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH Thái Nguyên	Khá									Không dự thi
85	1575	Nguyễn Đức Trọng	23/2/1991		CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Khá									Không dự thi
86	1454	Nguyễn Thị Hồng Anh		04/05/1987	CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH Thương Mại	Khá	x								Không dự thi
87	1455	Nguyễn Tuấn Anh	17/10/1995		CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Tài chính	Giỏi									Không dự thi
88	1457	Bùi Lan Anh		08/12/1991	CV Kế toán- Kiểm toán	Quốc Gia HN - East London	Giỏi	x								Không dự thi
89	1458	Lê Duy Anh	29/7/1992		CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Giỏi									Không dự thi
90	1459	Phạm Thế Anh	05/06/1995		CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Khá									Không dự thi
91	1462	Nguyễn Thị Bảo Anh		23/10/1991	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Khá									Không dự thi
92	1463	Nguyễn Hồng Ngọc Anh		17/11/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Thương Mại	Giỏi									Không dự thi
93	1466	Mai Văn Anh		15/5/1993	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Tài chính	Khá									Không dự thi

HK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(11)*2+(10) +(12)+(15)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
94	1468	Trần Thu Bình		23/9/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Giỏi									Không dự thi
95	1469	Vũ Thị Nguyên Bình		22/3/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Giỏi									Không dự thi
96	1476	Nguyễn Quốc Đạt	14/7/1994		CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi
97	1479	Phạm Thị An Giang		27/06/1994	CV Kế toán- Kiểm toán	Tài chính - QTKD	Giỏi									Không dự thi
98	1480	Ngô Thị Hương Giang		01/12/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Tài chính - QTKD	Khá									Không dự thi
99	1481	Tô Bảo Hoàng Giang		21/10/1988	CV Kế toán- Kiểm toán	Điện Lực	Khá									Không dự thi
100	1486	Phạm Thị Thu Hà		29/6/1991	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Giỏi									Không dự thi
101	1488	Nguyễn Thu Hà		03/10/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Thương Mại	Giỏi									Không dự thi
102	1490	Trần Thị Hào		10/02/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Tài chính	Khá									Không dự thi
103	1492	Phan Thị Thu Hằng		30/07/1984	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Tài chính	Khá	x								Không dự thi
104	1497	Lương Thanh Hiền		11/11/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện ngân hàng	Giỏi									Không dự thi
105	1498	Kiều Hoa		02/01/1994	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Khá									Không dự thi
106	1506	Nguyễn Thanh Huyền		16/8/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Khá									Không dự thi
107	1508	Trần Thanh Thanh Huyền		25/4/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Xuất sắc									Không dự thi
108	1509	Nguyễn Thị Thu Huyền		26/1/1989	CV Kế toán- Kiểm toán	Thương Mại	Khá									Không dự thi
109	1511	Phạm Thanh Hương		04/01/1993	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Giỏi									Không dự thi

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(11)*2+(10) +(12)+(15)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
110	1512	Nguyễn Thị Anh Hương		23/10/1980	CV Kế toán- Kiểm toán	Thương Mại	Khá									Không dự thi
111	1517	Trần Hương Lan		10/11/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Khá									Không dự thi
112	1518	Vũ Thị Hoàng Lan		20/11/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Khá									Không dự thi
113	1520	Nguyễn Thị Thảo Linh		20/8/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Giỏi									Không dự thi
114	1522	Nguyễn Thị Thùy Linh		25/9/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Khá									Không dự thi
115	1531	Nguyễn Nhật Minh		09/11/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Ngân hàng	Giỏi									Không dự thi
116	1533	Đỗ Thị Hoài Ngân		17/09/1993	CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh doanh và Công nghệ	Giỏi									Không dự thi
117	1539	Phan Diệu Ngọc		25/12/1994	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Giỏi									Không dự thi
118	1541	Trần Thị Thanh Nhài		24/4/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Giỏi									Không dự thi
119	1542	Nguyễn Hồng Nhung		24/5/1994	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện tài chính	Giỏi									Không dự thi
120	1543	Phạm Thị Hồng Nhung		08/04/1990	CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH Lao động - Xã hội	Khá									Không dự thi
121	1548	Nguyễn Thiên Quang	28/10/1994		CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH Kinh tế - DH Quốc Gia	Khá									Không dự thi
122	1550	Phạm Thị Tĩnh		07/02/1993	CV Kế toán- Kiểm toán	Thủy lợi	Giỏi									Không dự thi
123	1555	Trần Hồng Thắm		22/10/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Xuất sắc									Không dự thi
124	1557	Trần Nguyệt Thu		08/10/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Kinh tế quốc dân	Giỏi									Không dự thi
125	1559	Phạm Hoài Thu		14/9/1993	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện ngân hàng	Xuất sắc									Không dự thi

TH

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(11)*2+(10) +(12)+(15)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
126	1572	Cao Quỳnh Trang		18/9/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện Tài chính	Khá									Không dự thi
127	1573	Đặng Quỳnh Trang		05/03/1991	CV Kế toán- Kiểm toán	ĐH Quảng Bình	Xuất sắc									Không dự thi
128	1579	Lê Thùy Vân		04/04/1995	CV Kế toán- Kiểm toán	Tài nguyên và Môi trường	Khá									Không dự thi
129	1580	Nguyễn Thị Cẩm Vân		16/10/1990	CV Kế toán- Kiểm toán	Học viện ngân hàng	Khá									Không dự thi

th



Vị trí:

Chuyên viên pháp chế ngân hàng

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại TN	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
1	1687	Nguyễn Thị Thảo Ly		13/12/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Ngoại thương	Giỏi		84	66,5	76	88	86,5	0	293	Dự kiến trúng tuyển
2	1628	Đào Trần Thùy An		01/07/1993	CV Pháp chế ngân hàng	Học viện ngoại giao	Giỏi		79	61	72	76	84	0	273	Dự kiến trúng tuyển
3	1679	Nguyễn Thùy Linh		12/06/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Học viện ngoại giao	Khá		74	58	76	56	76	0	266	Dự kiến trúng tuyển
4	1647	Trần Thùy Dương		06/12/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		61,5	64,5	64	76	76	0	254,5	Dự kiến trúng tuyển
5	1673	Phạm Thị Thảo Linh		26/10/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		72,5	55	72	68	52,5	0	254,5	Dự kiến trúng tuyển
6	1634	Hồ Thanh Bình		21/05/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		71	56,5	68	68	77,5	0	252	Dự kiến trúng tuyển
7	1685	Trần Long	06/02/1991		CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá	x	64,5	53,5	80	84	78,5	0	251,5	Dự kiến trúng tuyển
8	1676	Trương Thị Mỹ Linh		08/02/1995	CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Quốc Gia	Giỏi		55	60	56	68	67,5	20	251	
9	1674	Đỗ Hoàng Mỹ Linh		12/12/1993	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Giỏi		66	58	68	84	70,5	0	250	
10	1643	Vũ Thị Mỹ Duyên		27/4/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		74	49	56	76	51	20	248	
11	1704	Nguyễn Thị Thảo		26/12/1992	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		73	54	60	80	60,5	0	241	
12	1689	Nguyễn Thị Hải Lý		18/03/1983	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá	x	68	58,5	52	Miễn	54,5	0	237	
13	1640	Vũ Thị Dung		25/06/1989	CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Quốc Gia	Giỏi	x	71	56	52	64	45,5	0	235	
14	1699	Nguyễn Thị Hồng Phúc		18/6/1991	CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Luật HN	Giỏi	x	52	51	60	80	73	20	234	
15	1675	Vương Thùy Linh		29/10/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		64	56	56	76	57	0	232	

16	1662	Đinh Thị Thu Huyền		02/11/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		65	48,5	68	84	64,5	0	230	
17	1690	Nguyễn Ngọc Mai		19/01/1994	CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Quốc Gia	Giỏi		44	59	68	80	89,5	0	230	
18	1629	Phạm Tuấn Anh	19/06/1993		CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Công đoàn	Giỏi		69,5	49	60	80	68,5	0	227,5	
19	1721	Đỗ Minh Trung	04/09/1995		CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		50	56,5	64	88	73	0	227	
20	1663	Nguyễn Thị Thu Huyền		26/01/1994	CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Quốc gia	Xuất sắc		50	57	60	64	Miễn	0	224	
21	1711	Nguyễn Phương Thủy		22/5/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		59	44	56	68	51	20	223	
22	1660	Trần Lê Diệu Hồng		14/11/1991	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá	x	59	50,5	60	72	Miễn	0	220	
23	1677	Hoàng Đỗ Khánh Linh		10/06/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		66	53	48	64	57,5	0	220	
24	1716	Trần Thị Thanh Trà		25/6/1991	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Giỏi		59	53,5	52	80	80,5	0	218	
25	1630	Bùi Thị Thùy Anh		13/09/1992	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Giỏi	x	43	47	76	56	60,5	0	213	
26	1646	Vũ Thùy Dương		12/08/1993	CV Pháp chế ngân hàng	Kinh tế quốc dân	Giỏi		59	39	56	80	52	20	213	
27	1696	Trần Anh Ngọc		10/01/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		59	47	60	76	68	0	213	
28	1708	Đỗ Hoài Thu		09/04/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Kinh tế quốc dân	Khá		57	45,5	60	76	72	0	208	
29	1718	Đào Huyền Trang		12/10/1995	CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Luật HN	Khá		51	40	76	80	43,5	0	207	
30	1693	Nguyễn Thị Mơ		27/09/1995	CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Vinh	Giỏi		59	48,5	48	72	69,5	0	204	
31	1631	Lê Thị Hoàng Anh		27/5/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Học viện An ninh nhân dân	Giỏi		65	45	48	64	53	0	203	
32	1681	Đỗ Diệu Linh		04/09/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Giỏi		53	41	68	88	84	0	203	
33	1695	Nguyễn Thanh Nga		03/02/1990	CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Quốc Gia	Khá		73	43	44	68	31	0	203	

#

34	1712	Phạm Quỳnh Hoa Thúy		07/11/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Giỏi		56	47	52	72	65,5	0	202	
35	1668	Nguyễn Giáng Hương		12/03/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		80	36	48	72	62,5	0	200	
36	1701	Lê Thị Liễu Phương		01/08/1991	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Giỏi	x	60	47	44	56	58,75	0	198	
37	1645	Phan Khánh Dương	01/02/1995		CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Luật HCM	Khá		59	33	68	60	51,5	0	193	
38	1649	Ngô Hương Giang		24/09/1994	CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Kinh tế quốc dân	Giỏi		50	45,5	52	68	81,5	0	193	
39	1688	Nguyễn Huyền Ly		22/9/1993	CV Pháp chế ngân hàng	Mở HN	Khá		60	43	44	64	58,5	0	190	
40	1707	Hà Dương Thắm		22/1/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		50	42	36	60	57	20	190	
41	1713	Nguyễn Thanh Thúy		31/10/1994	CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Luật HN	Khá		55	35	64	72	72	0	189	
42	1719	Đào Thu Trang		23/12/1991	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá	x	53	39	56	76	71	0	187	
43	1678	Đàm Thị Thu Linh		02/01/1986	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		50	38	40	76	42,5	20	186	
44	1703	Tạ Ngọc Thạch	01/12/1994		CV Pháp chế ngân hàng	Ngoại thương	Giỏi		17	52,5	64	76	87,5	0	186	
45	1670	Trần Nhật Lệ		28/8/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Học viện An ninh nhân dân	Khá		53	38	56	64	81	0	185	
46	1724	Mạc Hoàng Việt	30/5/1993		CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá	x	62	39	44	76	Miễn	0	184	
47	1658	Phạm Trung Hiếu	23/1/1994		CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		37,5	45	52	60	28	0	179,5	
48	1636	Nguyễn Đức Bình	12/04/1991		CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		26,5	48	56	72	52,5	0	178,5	
49	1652	Trương Thị Thu Hà		21/11/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		35,5	47	48	76	56	0	177,5	
50	1635	Nguyễn Đức Bình	09/07/1994		CV Pháp chế ngân hàng	ĐH KT - Luật (ĐHQG TP HCM)	Khá		35,5	50	40	64	54	0	175,5	
51	1684	Nguyễn Trần Diệu Linh		09/06/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		31	42	40	60	40,25	20	175	

HK

52	1664	Vũ Thị Thanh Hương		28/01/1990	CV Pháp chế ngân hàng	Quốc Gia HN	Khá		56	39	40	60	55	0	174	
53	1706	Thái Huy Thắng	20/6/1992		CV Pháp chế ngân hàng	Kinh tế quốc dân	Khá		51	31	60	72	50,25	0	173	
54	1723	Lê Thị Vân		16/9/1994	CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Luật HN	Khá		35	37	64	52	59,5	0	173	
55	1722	Lư Kế Trường	31/8/1993		CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		41	41	48	56	51	0	171	
56	1653	Nguyễn Thị Hải Hà		02/12/1993	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		27	36	64	56	66,5	0	163	
57	1641	Nguyễn Thùy Dung		12/04/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		41	32	56	52	44,5	0	161	
58	1710	Lê Thị Thuận		05/10/1993	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		26	37	60	44	27	0	160	
59	1717	Hoàng Thị Thùy Trang		13/06/1995	CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Quốc Gia	Giỏi		30	43	44	76	76,5	0	160	
60	1680	Nguyễn Thị Tùng Linh		12/11/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Giỏi		43	30	56	80	68	0	159	
61	1714	Đặng Anh Thư		21/6/1992	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		29	35	60	68	50,5	0	159	
62	1656	Phạm Thanh Hải	22/9/1995		CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		40	42	32	72	50,5	0	156	
63	1655	Trần Thị Thanh Hải		06/01/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Thương Mại	Khá		51	24	52	68	63,5	0	151	
64	1700	Nguyễn Mai Phương		31/8/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		41	28	52	68	51,5	0	149	
65	1692	Trần Thị Nhật Minh		15/11/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		13	31	64	68	71,5	0	139	
66	1667	Bế Thị Hương		28/12/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		28	12	60	68	70,5	20	132	
67	1661	Bùi Xuân Hùng	05/12/1994		CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	khá		25	39	0	32	44	0	103	
68	1682	Trương Hải Linh		23/12/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		24	5	40	60	69,5	20	94	
69	1686	Trần Thành Long	19/1/1993		CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá	x	34	0	40	68	Miễn	0	74	

th

70	1644	Vũ Hải Duyên		13/8/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá		30	0	0	0	0	0	30	
71	1669	Lý Thị Phương Lan		05/11/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Giỏi									Không dự thi
72	1671	Đàm Nhật Lệ		01/08/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Giỏi									Không dự thi
73	1672	Diệp Thị Liên		02/08/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi
74	1632	Hoàng Hồng Anh		05/12/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi
75	1633	Nguyễn Thanh Bình		27/11/1993	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi
76	1637	Bùi Hoàng Linh Chi		25/7/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi
77	1638	Phạm Thị Din		16/10/1995	CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Luật HN	Khá									Không dự thi
78	1639	Nguyễn Thị Kim Dung		25/03/1995	CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Công đoàn	Khá									Không dự thi
79	1642	Lương Khánh Dung		03/05/1988	CV Pháp chế ngân hàng	Quốc gia HN	Khá	x								Không dự thi
80	1648	Nguyễn Xuân Đang	13/12/1983		CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá	x								Không dự thi
81	1650	Nguyễn Trường Giang	24/04/1984		CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi
82	1651	Vũ Hoài Giang		28/5/1992	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi
83	1654	Nguyễn Đức Hải	18/7/1995		CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi
84	1657	Nguyễn Hồng Hạnh		02/06/1989	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi
85	1659	Trịnh Thị Minh Hồng		08/11/1984	CV Pháp chế ngân hàng	Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi
86	1665	Lê Thị Liên Hương		26/10/1985	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá	x								Không dự thi
87	1666	Nguyễn Thị Lan Hương		24/02/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi

✍

88	1683	Chu Thị Ngọc Linh		13/11/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Giỏi									Không dự thi
89	1691	Nguyễn Thị Mận		24/12/1991	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi
90	1694	Đào Hải Nam	14/9/1995		CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Luật HN	Khá									Không dự thi
91	1697	Nguyễn Thị Nhàn		20/10/1991	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Giỏi									Không dự thi
92	1698	Nguyễn Thị Hồng Nhung		20/04/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi
93	1702	Phạm Thị Tuyết		28/02/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi
94	1705	Bùi Đăng Thảo	02/08/1992		CV Pháp chế ngân hàng	Aomori Chuo Gakuin Nhật Bản	Khá	x								Không dự thi
95	1709	Đỗ Thị Minh Thu		01/04/1995	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi
96	1715	Nguyễn Thu Thương		12/11/1992	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi
97	1720	Hoàng Thị Thu Trang		19/8/1995	CV Pháp chế ngân hàng	ĐH Luật HN	Khá									Không dự thi
98	1725	Ngô Hà Vinh		21/01/1994	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi
99	1726	Nguyễn Thị Yên		04/01/1992	CV Pháp chế ngân hàng	Luật HN	Khá									Không dự thi

th

Vị trí:

Chuyên viên kinh tế quốc tế

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(11)*2+(10) +(12)+(15)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
1	1625	Đinh Thị Ngọc Trâm		24/1/1991	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Giỏi	x	79	73,5	60	60	Miễn	0	286	Dự kiến trúng tuyển
2	1602	Lê Hoàng Long	06/12/1993		CV Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc dân	Khá	x	62,5	67,5	88	68	Miễn	0	285,5	Dự kiến trúng tuyển
3	1588	Phạm Văn Hà	31/10/1990		CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Khá	x	64	64	84	68	38,8	0	276	
4	1620	Phan Đình Thi	07/09/1993		CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Xuất sắc		61	62,5	72	92	74,4	0	258	
5	1623	Nguyễn Thị Hoa Thương		01/02/1994	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Xuất sắc		50	53,5	64	80	41,6	20	241	
6	1592	Trương Xuân Hiếu	21/1/1992		CV Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc dân	Giỏi		50,5	59	68	72	58,6	0	236,5	
7	1606	Trịnh Nhật Minh	13/9/1993		CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Khá		51	57,5	64	80	Miễn	0	230	
8	1613	Nguyễn Kim Phượng		14/4/1992	CV Kinh tế quốc tế	Học viện ngoại giao	Khá		37	51	68	72	52,4	20	227	
9	1615	Lê Thúy Quỳnh		27/12/1987	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương HN	Khá	x	68,5	54,5	48	80	Miễn	0	225,5	
10	1598	Đặng Minh Hương		20/9/1990	CV Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc dân	Giỏi		43	56,5	68	76	40	0	224	
11	1600	Hoàng Quý Lê		03/12/1988	CV Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc dân	Giỏi		50	50,5	64	72	67,4	0	215	
12	1612	Phạm Vũ Quỳnh Phương		12/06/1992	CV Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc dân	Khá		30	64,5	56	68	43,2	0	215	
13	1601	Cung Thị Diệu Linh		09/10/1994	CV Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc dân	Giỏi		42	50,5	68	80	43,4	0	211	
14	1614	Lê Thu Quỳnh		18/08/1989	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Khá		45	51	56	68	42,4	0	203	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
15	1589	Vũ Huy Hải	29/10/1994		CV Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc dân	Giỏi		50	44	64	60	35,8	0	202	
16	1594	Lê Quốc Hùng	12/04/1991		CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Giỏi	x	34	45	76	88	Miễn	0	200	
17	1617	Nguyễn Duy Tiến	14/01/1995		CV Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc dân	Khá		56	37	68	76	42,6	0	198	
18	1591	Phan Thị Thúy Hằng		09/05/1989	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Khá	x	51	39	68	56	40,2	0	197	
19	1609	Lê Hồng Nhung		20/05/1990	CV Kinh tế quốc tế	ĐH Ngoại Thương	Giỏi		60	34	68	76	Bỏ PV	0	196	
20	1597	Đinh Thị Thu Hương		05/04/1993	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Giỏi	x	51	29,5	80	68	Miễn	0	190	
21	1624	Phạm Quỳnh Trang		12/10/1995	CV Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc dân	Xuất sắc		52	38,5	56	80	43,2	0	185	
22	1626	Bùi Ngọc Trâm		01/02/1992	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Giỏi	x	31	52	48	64	60,4	0	183	
23	1622	Lê Thị Thanh Thủy		25/1/1991	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Giỏi	x	31	37	72	80	Miễn	0	177	
24	1587	Đào Chí Dũng	06/09/1995		CV Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc dân	Khá		33	31	80	64	Miễn	0	175	
25	1593	Nguyễn Thị Thanh Hòa		02/05/1993	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Giỏi		45	30,5	64	88	Bỏ PV	0	170	
26	1604	Lê Thị Ngọc Mai		11/10/1989	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Khá	x	0	50	52	72	Miễn	0	152	
27	1605	Nguyễn Thị Nhật Minh		27/03/1995	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Khá		56	15	56	68	32	0	142	
28	1583	Phạm Thị Vân Anh		30/12/1986	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Giỏi	x								Không dự thi
29	1584	Trần Diệu Chi		26/10/1993	CV Kinh tế quốc tế	ĐH Thương Mại Dunkerque Côte D'opale	Khá	x								Không dự thi

HK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$=(11)*2+(10)+(12)+(15)$	
30	1585	Trần Anh Chiến	04/03/1991		CV Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc dân	Khá									Không dự thi
31	1586	Đoàn Quang Dũng	22/01/1992		CV Kinh tế quốc tế	Học viện Ngoại Giao	Khá	x								Không dự thi
32	1590	Vũ Thảo Hạnh		09/11/1995	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Giỏi									Không dự thi
33	1595	Lê Thị Thanh Huyền		10/12/1992	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Xuất sắc	x								Không dự thi
34	1596	Đinh Thị Thanh Huyền		16/8/1987	CV Kinh tế quốc tế	Học viện ngoại giao	Khá	x								Không dự thi
35	1599	Trịnh Thu Hương		29/5/1994	CV Kinh tế quốc tế	ĐH Ngoại Thương	Xuất sắc									Không dự thi
36	1603	Vũ Phương Mai		07/02/1994	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Giỏi									Không dự thi
37	1607	Vũ Thị Ninh		06/10/1993	CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Giỏi									Không dự thi
38	1608	Nguyễn Minh Nguyệt		25/12/1992	CV Kinh tế quốc tế	Quốc Gia HN	Giỏi									Không dự thi
39	1610	Trần Quang Phú	23/05/1989		CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Khá									Không dự thi
40	1611	Hoàng Thị Thu Phương		06/08/1991	CV Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc dân	Giỏi	x								Không dự thi
41	1616	Ninh Thị Thanh Tâm		22/12/1994	CV Kinh tế quốc tế	ĐH Kinh tế Quốc dân	Khá									Không dự thi
42	1618	Lê Anh Tú	07/06/1992		CV Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc dân	Khá	x								Không dự thi
43	1619	Phạm Hoàng Tùng	08/10/1994		CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Giỏi									Không dự thi
44	1621	Đỗ Thị Nhân Thiên		21/8/1990	CV Kinh tế quốc tế	Học viện ngoại giao	Giỏi	x								Không dự thi
45	1627	Từ Đức Trung	11/09/1992		CV Kinh tế quốc tế	Ngoại thương	Giỏi									Không dự thi

HK

Vị trí:

Chuyên viên truyền thông

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
1	1727	Phạm Lê Bảo Chinh		27/4/1988	CV truyền thông	ĐH Long Island - Hoa Kỳ	Khá		50	70	64	68	Miễn	0	254	Dự kiến trúng tuyển
2	1728	Bùi Thái Hường		03/04/1990	CV truyền thông	HV Báo chí và tuyên truyền	Khá		55	50	52	72	50	0	207	
3	1729	Đào Thúy Ngân		19/07/1991	CV Truyền thông	ĐHTH Ulyanovsk-Nga	Xuất sắc									Không dự thi
4	1730	Ngô Văn Tuệ	13/11/1993		CV truyền thông	ĐH Hòa Bình	Khá									Không dự thi

th

Vị trí:

Chuyên viên thiết kế mẫu tiền

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
1	1731	Phạm Thành Long	07/09/1993		CV thiết kế mẫu tiền	Mỹ thuật Việt Nam	Khá		67	64	60	64	81	0	255	Dự kiến trúng tuyển
2	1732	Đỗ Đức Thanh	02/10/1991		CV thiết kế mẫu tiền	ĐH Sư phạm Nghệ thuật TW	Khá	x	75	47,5	68	72	65	0	238	

th

Vị trí:

Kỹ sư xây dựng

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm $= (11)*2 + (10) + (12) + (15)$	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
1	1749	Nguyễn Văn Kha	19/11/1992		Kỹ sư xây dựng	ĐH Xây dựng	Khá		76	77,5	68	76	93,75	0	299	Dự kiến trúng tuyển
2	1750	Vũ Đức Long	26/01/1994		Kỹ sư xây dựng	ĐH Xây dựng	Khá		77	53	72	88	90,5	0	255	Dự kiến trúng tuyển
3	1745	Nguyễn Mạnh Hùng	02/01/1992		Kỹ sư xây dựng	Xây dựng HN	Khá	x	78	72	40	84	92	0	262	
4	1752	Vũ Thành Nam	16/01/1985		Kỹ sư xây dựng	ĐH Xây dựng	Khá		39	75	60	84	96	0	249	
5	1751	Nguyễn Thị Mơ		26/11/1986	Kỹ sư xây dựng	Giao thông vận tải	Khá	x	59	43	60	84	96	0	205	
6	1746	Trần Thị Huyền		31/08/1991	Kỹ sư xây dựng	ĐH Thủy Lợi	Khá		61	36	60	68	86,5	0	193	
7	1741	Đinh Kim Dung		28/7/1993	Kỹ sư xây dựng	Xây dựng HN	Khá		57	45	44	76	83	0	191	
8	1754	Lê Ngọc Tân	25/5/1993		Kỹ sư xây dựng	Kiến trúc HN	Khá		76	29	56	84	85	0	190	
9	1739	Nguyễn Tuấn Anh	02/01/1993		Kỹ sư xây dựng	HV Kỹ thuật Quân sự	Khá		33	57,5	40	72	58	0	188	
10	1756	Trịnh Thị Phương Uyên		31/01/1993	Kỹ sư xây dựng	Giao thông vận tải	Giỏi		30	51,5	52	76	94	0	185	
11	1742	Đỗ Minh Hiếu	03/08/1994		Kỹ sư xây dựng	ĐH Xây dựng	Khá		74	6	84	72	80	0	170	
12	1747	Nguyễn Thị Mai Hương		18/01/1987	Kỹ sư xây dựng	Giao thông vận tải	Khá	x	64	26	52	80	88	0	168	
13	1755	Đặng Thanh Thúy		16/05/1981	Kỹ sư xây dựng	ĐH Giao thông vận tải	Khá	x	50	21	64	76	90	0	156	

#

14	1740	Đặng Ngọc Ánh		15/10/1990	Kỹ sư xây dựng	Đại Nam	Khá	x	34	33	36	68	58	0	136	
15	1753	Tạ Văn Sao	14/9/1977		Kỹ sư xây dựng	Lâm nghiệp	Khá									Không dự thi
16	1743	Nguyễn Đình Hiếu	02/09/1994		Kỹ sư xây dựng	Vinh	Khá									Không dự thi
17	1744	Nguyễn Văn Hoàng	30/8/1993		Kỹ sư xây dựng	ĐH Thủy lợi	Khá									Không dự thi
18	1748	Lê Thị Hường		04/05/1991	Kỹ sư xây dựng	Xây dựng HN	Giỏi									Không dự thi



Vị trí:

Chuyên viên kỹ thuật điện



TT	SBD	Họ và tên	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường (*)	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	1736	Trần Minh Ngọc	CV kỹ thuật điện	ĐH Điện Lực	Khá		66	51,5	76	72	Miễn	0	245	Dự kiến trúng tuyển
2	1733	Hà Bình Dương	CV kỹ thuật Điện	ĐH tổng hợp Ruhr Bochum	Khá		50	51	64	80	Miễn	0	216	Dự kiến trúng tuyển
3	1737	Đỗ Văn Nhân	CV kỹ thuật Điện	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Khá	x	50	46,5	64	60	78	20	227	
4	1738	Nguyễn Đức Thành	CV kỹ thuật Điện	ĐH Bách khoa HN	Khá		75	37,5	60	76	83	0	210	
5	1734	Phạm Quang Huy	CV kỹ thuật điện	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông	Khá		67	24	88	76	95	0	203	
6	1735	Vũ Thị Lan	CV kỹ thuật Điện	ĐH sư phạm	Khá	x								Không dự thi

HK

Vị trí:



Chuyên viên y tế

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
1	1759	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		26/5/1982	CV Y tế	Dược HN	TB Khá		64	65	72	64	73,5	0	266	Dự kiến trúng tuyển
2	1758	Vương Thị Ngân		11/11/1988	CV Y tế	Dược HN	TB Khá		75	52	84	84	84	0	263	
3	1757	Nguyễn Trung Hiếu	09/11/1994		CV Y tế	ĐH Dược HN	Khá									Không dự thi

HK

Vị trí: Kỹ sư công nghệ thông tin

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(11)*2+(10) +(12)+(15)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
I	Vị trí kỹ sư CNTT làm việc tại Cục quản trị và CQTTGSNH (02 chỉ tiêu)															
1	1771	Nguyễn Quang Hưng	20/06/1983		Kỹ sư CNTT - TW	ĐH Giao thông vận tải	TB Khá	x	60	50,5	68	Miễn	86	20	249	Dự kiến trúng tuyển
2	1769	Phan Xuân Hùng	09/12/1988		Kỹ sư CNTT - TW	ĐH CNTT - ĐHQG TP HCM	TB Khá		72	31	44	Miễn	88	20	198	
3	1774	Trịnh Thị Mai Linh		23/12/1995	Kỹ sư CNTT - TW	Học viện An ninh nhân dân	Khá		33	43	52	Miễn	88,5	0	171	
4	1784	Bùi Thị Xuân		15/2/1990	Kỹ sư CNTT - TW	Giao thông vận tải	TB Khá		50	35,5	12	Miễn	86,5	0	133	
5	1761	Nguyễn Thị Anh		19/4/1995	Kỹ sư CNTT - TW	Học viện An ninh nhân dân	Khá		30	11,5	40	Miễn	90	0	93	Vi phạm quy chế môn KTC
6	1773	Đỗ Trung Kiên	22/12/1979		Kỹ sư CNTT - TW	ĐH Bách khoa HN	TB Khá		22	11	32	Miễn	71	0	76	
7	1778	Lê Khánh Toàn	19/10/1990		Kỹ sư CNTT - TW	FPT	TB Khá									Không dự thi
8	1779	Vương Thị Tuyền		16/12/1992	Kỹ sư CNTT - TW	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Giỏi									Không dự thi
9	1766	Phan Thị Kim Hoa		26/2/1985	Kỹ sư CNTT - TW	ĐH Bách khoa HN	Giỏi	x								Không dự thi
10	1768	Nguyễn Quý Hùng	04/01/1989		Kỹ sư CNTT - TW	Mở HN	Khá									Không dự thi
11	1775	Nguyễn Bảo Lộc	25/08/1990		Kỹ sư CNTT - TW	FPT	TB Khá									Không dự thi
12	1782	Giang Quốc Trưởng	17/01/1991		Kỹ sư CNTT - TW	Học viện Công nghệ BCVT	TB Khá									Không dự thi
13	1783	Phan Thị Thu Vân		05/09/1985	Kỹ sư CNTT - TW	ĐH Bách khoa HN	Khá	x								Không dự thi

HK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	$= (11) \cdot 2 + (10) + (12) + (15)$	
II Vị trí kỹ sư CNTT phần cứng làm việc tại Sơn Tây (01 chỉ tiêu)																
1	1777	Khuất Thị Như Quỳnh		11/08/1988	Kỹ sư CNTT (phần cứng - Sơn Tây)	Học viện Công nghệ BCVT	Khá		78	22,5	40	Miễn	77,75	0	163	
III Vị trí kỹ sư CNTT phần cứng làm việc tại Cục Công nghệ thông tin (02 chỉ tiêu)																
1	1762	Vũ Quang Dũng	23/5/1983		Kỹ sư CNTT (Phần cứng)	ĐH Bách khoa HN	Khá	x	51	66,25	60	Miễn	94	0	243,5	Dự kiến trúng tuyển
2	1764	Lê Anh Đức	24/8/1992		Kỹ sư CNTT (phần cứng)	La trobe University	Khá		33	11,75	40	Miễn	Miễn	0	96,5	
3	1765	Nguyễn Thị Phương Hoa		19/3/1987	Kỹ sư CNTT (phần cứng)	Học viện Công nghệ BCVT	Khá		41	13	24	Miễn	Miễn	0	91	
IV Vị trí kỹ sư CNTT phần mềm làm việc tại Cục Công nghệ thông tin (03 chỉ tiêu)																
1	1770	Nguyễn Thị Thu Huyền		16/10/1987	Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	ĐH Công nghệ - ĐH Quốc gia	Khá		72	86,5	60	Miễn	92	0	305	Dự kiến trúng tuyển
2	1780	Phạm Hữu Thảo	10/05/1976		Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	ĐH Mở HN	TB Khá	x	50	77,5	64	Miễn	88	0	269	Dự kiến trúng tuyển
3	1772	Trương Thị Hương		28/2/1988	Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	ĐH Sư phạm - ĐH Thái Nguyên	Khá	x	65	77	48	Miễn	96	0	267	
4	1776	Vũ Thị Thúy Ngân		11/11/1993	Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	ĐH KH tự nhiên ĐH Quốc Gia	Khá		66	62	24	Miễn	78	0	214	
5	1767	Nguyễn Sơn Hồng	01/12/1995		Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	Học viện Tài chính	Khá		23	51,5	36	Miễn	82,5	0	162	
6	1763	Phạm Thành Đồng	16/02/1995		Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	Học viện Ngân hàng	Khá		15,6	17	36	Miễn	70	0	85,6	Vi phạm quy chế môn CMNV
7	1760	Trần Quang Anh	08/03/1990		Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	Học viện ngân hàng	Khá									Không dự thi
8	1781	Đinh Thị Trâm		10/02/1994	Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	Học viện Ngân hàng	Khá									Không dự thi

th